

Bản án số: 19/2019/HSST
Ngày 12/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Bằng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lò Thị Chương
2. Bà Đinh Thị Thi
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Đồng Văn Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:* Ông **Tăng Bá Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2019 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/HSST ngày 29/10/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 31/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vàng Thị Q**; tên gọi khác: không;
Sinh năm 1997 tại Nậm Nhùn, Lai Châu;
Nơi ĐKKHKT: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Khơ Mú; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Vàng Văn L, sinh năm 1962 và con bà Vàng Thị L, sinh năm 1967 (đã chết); bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Vàng Văn S, sinh năm 1994;
Con: bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2017.
Tiền án, tiền sự: không;
Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.
2. Họ và tên: **Vàng Văn S**; tên gọi khác: Không;
Sinh năm 1994 tại Nậm Nhùn, Lai Châu;
Nơi ĐKNKTT: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khơ Mú; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Vàng Văn L, sinh năm 1960 và con bà Vàng Thị L, sinh năm 1953 (đã chết); bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Vàng Thị Q, sinh năm 1997.
Con: bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2017.
Tiền án, tiền sự: không;
Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

* Những người tham gia tố tụng khác:

1. Đại diện bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

Trú tại: Bản Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

2. Những người làm chứng:

- Anh Lò Văn M, sinh năm 1987

Trú tại: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

- Anh Vàng Văn T, sinh năm 1990

Trú tại: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

- Chị Vàng Thị H, sinh năm 1990

Trú tại: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

- Anh Lò Văn H, sinh năm 1994

Trú tại: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S: Ông Lê Văn Hùng – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 02 năm 2019, Vàng Thị Q, sinh năm 1997 và Vàng Văn S, sinh năm 1994 (là vợ chồng) trú tại bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn đi phát một đám nương của gia đình ven rừng thuộc bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn. Khi thực bì đã khô Q và S bàn nhau tiến hành đốt vào ngày 17/4/2019. Sáng ngày 16/4/2019 Q và S tiến hành làm đường băng cản lửa để phòng lửa không cháy lan vào rừng khi đốt. Đến khoảng giữa trưa cùng ngày, Q và S chỉ làm được một phần đường băng cản lửa của đám nương (phần phía trên của đầu đám nương, chiều rộng đường băng khoảng 2 mét), phần còn lại của đám nương Q và S không làm đường băng cản lửa. Chiều ngày 16/4/2019, gia đình Q nhận được thông báo của ông Lương Văn L là Phó trưởng bản Nậm Manh thông báo sẽ tổ chức họp bản để triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho bà con nhân dân trong bản trước mùa đốt nương vào sáng ngày 17/4/2019, nên Q và S hoãn lại việc đốt nương. Sau khi tiếp thu công tác phòng cháy, chữa cháy Q và S bàn bạc, thống nhất việc đốt nương vào sáng ngày 18/4/2019 và phân công Q sẽ là người trực tiếp đốt còn S đứng kiểm tra và canh lửa. Tối ngày 17/4/2019, S đi nhờ Lò Văn M, sinh năm 1987, Vàng Thị H, sinh năm 1990, Vàng Văn Th, sinh năm 1990 và Lò Văn H, sinh năm 1994 đều là người cùng bản đến giúp Q và S canh lửa vào ngày 18/4/2019 và được mọi người đồng ý. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/4/2019, Q và S, Lò Văn M, Vàng Thị H, Vàng Văn Th và Lò Văn H đến đám nương, theo kế hoạch đã thống nhất từ trước. Q là người trực tiếp dùng bật lửa ga đốt nương (phần dưới của đám nương), những người còn lại dùng bình nước và cành cây canh lửa để phòng lửa cháy lan vào rừng thì dập tắt. Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2019, khi đám nương cháy hết mọi người đi quanh đám nương để kiểm tra lửa, thấy không còn lửa thì mọi

người về lán của gia đình Q và S để ăn cơm trưa. Sau khi ăn cơm trưa xong S và Q nghỉ lại lán của gia đình, những người còn lại về nghỉ tại lán của mình. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Q và S phát hiện thấy khói bốc lên từ khu đám nương của gia đình mình vừa đốt trước đó, Q và S đến nơi thì thấy lửa đang cháy lan từ đám nương của gia đình mình vào rừng ngay tại vị trí không làm đường băng cản lửa. Thấy vậy, Q và S gọi Lò Văn M, Vàng Thị H, Vàng Văn Th và Lò Văn H đến giúp dập lửa nhưng lúc này trời nắng nóng và có gió to nên không thể dập tắt được lửa. Sau khi phát hiện cháy rừng chính quyền địa phương cùng các ngành chức năng và nhân dân trong bản Nậm Manh đã tiến hành chữa cháy nhưng đến 20 giờ tối cùng ngày đám cháy mới được khống chế và dập tắt hoàn toàn. Hậu quả rừng tại khoảnh 2, tiểu khu 402 diện tích rừng 36.4 ha loại rừng sản xuất và khoảnh 1, khoảnh 2 tiểu khu 403 diện tích rừng 17,87 ha là loại rừng sản xuất thuộc bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn bị cháy hoàn toàn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Nậm Nhùn kết luận tài sản bị thiệt hại thuộc các gỗ nhóm V là 44,26 m³ có trị giá tiền 132.780.000 đồng; gỗ nhóm VI là 78,85m³ có trị giá tiền 197.125.000 đồng; gỗ nhóm VII là 49,79m³ có trị giá tiền 74.685.000 đồng; gỗ nhóm VIII là 59,42m³ có trị giá tiền 59.420.000 đồng và củi 257,92m³ có trị giá tiền 90.272.000 đồng. Tổng giá trị thành tiền bị thiệt hại do Vàng Thị Q và Vàng Văn S gây ra là 554.282.000 đồng (*Năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Cáo trạng số 19/CT- VKS-NN ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn đã truy tố các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 313 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu vẫn giữ nguyên quan điểm như quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 313; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù về tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy" và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; về án phí áp dụng quy định của pháp luật miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tổng số tiền là 554,282.000 đồng (*Năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Tại phiên toà người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vàng Thị Q và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho hưởng án treo đối với bị cáo Vàng Văn S; áp dụng khoản 5 điều 313 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo. Về án phí đề nghị áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư bào chữa;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của các bị cáo, ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra huyện Nậm Nhùn, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào ngày 18/4/2019 tại khoảnh 2, tiểu khu 402 và khoảnh 1, khoảnh 2 tiểu khu 403 thuộc bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S có hành vi đốt nương vi phạm điểm c, d tiết 3b khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy năm 2014; Khoản 2 Điều 39 Luật Lâm nghiệp năm 2017 nên đã gây cháy thiệt hại các loại gỗ nhóm V là 44,26 m³; gỗ nhóm VI là 78,85m³; gỗ nhóm VII là 49,79m³; gỗ nhóm VIII là 59,42m³ và củi 257,92m³. Tổng giá trị thiệt hại thành tiền mà Vàng Thị Q và Vàng Văn S gây ra là 554.282.000 đồng (*Năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Hành vi nêu trên các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng" theo qui định tại điểm c khoản 2 điều 313 của Bộ luật hình sự.

Điểm c khoản 2 Điều 313 của Bộ luật hình sự quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 08 năm:

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

Vì vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường. Các bị cáo đã chủ động phòng ngừa việc phòng cháy, chữa cháy nhưng không đúng quy định để lửa cháy lan gây thiệt hại khu rừng phòng hộ, thiệt hại xảy ra là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo gây ra trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, đến sản xuất của nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Vì vậy việc đưa các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S ra truy tố và xét xử là rất cần thiết thông qua công tác xét xử, trước hết để bị cáo thấy được ý thức trách nhiệm của mình trong công tác phòng cháy chữa cháy đồng thời để tuyên truyền đến người dân hiểu biết về pháp luật. Ngoài ra người gây ra thiệt hại ngoài trách nhiệm hình sự còn phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra.

Xét quan điểm của người bào chữa và những phân tích đánh giá cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự cho các bị cáo theo điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vàng Thị Q. Về án phí đề nghị áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa. Đối với đề nghị của người bào chữa áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Vàng Văn S được hưởng án treo, xét thấy các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S cùng thực hiện hành vi đốt nương với lỗi vô ý như nhau và hành vi phạm tội như nhau, các bị cáo đã được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng mức hình phạt tương xứng cho bị cáo và cũng để tuyên truyền đến người dân hiểu biết thêm pháp luật về phạm tội “Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của người bào chữa là chưa phù hợp nên không chấp nhận đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vàng Văn S là cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Xong khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần xem xét:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S tại phiên tòa và trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi phát hiện cháy lan vào rừng các bị cáo đã nhanh chóng gọi và hô hào mọi người cùng dập lửa chữa cháy ngăn chặn làm giảm bớt hậu quả cháy rừng, các bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường một phần thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn để khắc phục hậu quả việc mà các bị cáo gây ra, các bị cáo là hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật còn hạn chế, sống ở khu vực khó khăn, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo có khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 313 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về vật chứng của vụ án:

01 bật lửa ga là công cụ của bị cáo dùng đốt nương gây cháy rừng. Xét đây là công cụ phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn là số tiền 554.282.000 đồng (*Năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*); cụ thể yêu cầu bị cáo Vàng Thị Q bồi thường 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), bị cáo Vàng

Văn S phải bồi thường 254.282.000 đồng (*hai trăm năm mươi tư triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ và hợp pháp và các bị cáo cũng đều nhất trí bồi thường như yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự để buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu số tiền là 554.282.000 đồng (*Năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

[6]. Về án phí: Các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S là gia đình hộ nghèo của xã Nậm Manh, có đơn xin miễn án phí và sinh sống thuộc khu vực đặc biệt khó khăn nên cần áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S phạm tội: "vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy".

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 313 Bộ luật hình sự; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Vàng Thị Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Vàng Văn S 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 313 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

2. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga màu đỏ, bật lửa ga đã qua sử dụng là công cụ phạm tội của các bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 29/10/2019 giữa Cơ quan Công an huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu với Chi cục thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu*).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu toàn bộ số tiền 554.282.000 đồng (*Năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*); cụ thể bị cáo Vàng Thị Q bồi thường 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), bị cáo Vàng Văn S phải bồi thường 254.282.000 đồng (*hai trăm năm mươi tư triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*) cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Vàng Thị Q và Vàng Văn S.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đại diện bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an huyện Nậm Nhùn;
- Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bằng

Điều khiển phiên tòa

Yêu cầu tất cả mọi ng- ời ổn định trật tự, phiên toà bắt đầu đ- ọc làm việc. **Yêu cầu mọi người trong phòng xét xử đứng dậy**

- Hôm nay ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở TAND huyện Nậm Nhùn đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự đối với bị cáo Vàng Thị Quê và Vàng Văn Sung. Thay mặt HĐXX tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử (nhớ đọc quyết định).

- Yêu cầu thư ký báo cáo danh sách những ngời TGGT được tòa án triệu tập đến phiên tòa hôm nay?

*Tại phiên tòa hôm nay **những người làm chứng** vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Về sự vắng mặt những ngời **người làm chứng** đại diện Viện kiểm sát có ý kiến gì không?*

*HĐXX xét thấy việc vắng mặt của người **những người làm chứng** không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì tại hồ sơ cũng đã thể hiện các lời khai, do đó HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.*

Hỏi bị cáo tại phiên tòa hôm nay bị cáo có nghe, nói được tiếng phổ thông không?

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo dùng tiếng phổ thông để trả lời các câu hỏi của HĐXX bị cáo nghe rõ chưa.

- Sau đây tôi sẽ kiểm tra căn c- ớc của những các bị cáo; Tại phiên tòa yêu cầu các bị cáo th- a Tòa x- ng bị cáo, bị cáo đã nghe rõ ch- a?

1. Bị cáo Vàng Thị Quê

- Ngoài họ và tên **Vàng Thị Quê** bị cáo còn có tên gọi nào khác không?

- Bị cáo sinh ngày tháng năm nào? Tr- ớc khi bị bắt bị cáo c- trú tại đâu? Bị cáo dân tộc gì? Quốc tịch? Bị cáo có theo tôn giáo nào không? Nghề nghiệp tr- ớc khi bị bắt bị cáo làm gì? Trình độ học vấn bị cáo học hết lớp mấy?

- Bố đẻ của bị cáo họ tên gì, sinh năm bao nhiêu, hiện nay còn sống không?

- Mẹ đẻ của bị cáo họ tên gì, sinh năm bao nhiêu? Hiện nay còn sống không?

- *Chông bị cáo họ tên là gì? sinh năm bao nhiêu?*

- bị cáo có mấy con?

- Bị cáo đã có tiền án, tiền sự gì ch- a?
- Gia đình bị cáo có mấy anh chị em? bị cáo là con thứ mấy trong gia đình?
- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ thời gian nào? Đến ngày nào bị cáo được tại ngoại?

2. Bị cáo Vàng Văn Sung,

- Ngoài họ và tên **Vàng Văn Sung**, bị cáo còn có tên gọi nào khác không?
- Bị cáo sinh ngày tháng năm nào? Tr- ớc khi bị bắt bị cáo c- trú tại đâu? Bị cáo dân tộc gì? Quốc tịch? Bị cáo có theo tôn giáo nào không? Nghề nghiệp tr- ớc khi bị bắt bị cáo làm gì? Trình độ học vấn bị cáo học hết lớp mấy?
- Bố đẻ của bị cáo họ tên gì, sinh năm bao nhiêu, hiện nay còn sống không?
- Mẹ đẻ của bị cáo họ tên gì, sinh năm bao nhiêu? Hiện nay còn sống không?
- *Vợ bị cáo họ tên là gì? sinh năm bao nhiêu?*
- bị cáo có mấy con?
- Bị cáo đã có tiền án, tiền sự gì ch- a? *Đã bị xử lý hành chính lần nào ch- a? đã bị kết án lần nào ch- a?*
- Gia đình bị cáo có mấy anh chị em? bị cáo là con thứ mấy trong gia đình?
- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ thời gian nào? Đến ngày nào bị cáo được tại ngoại?

2. Kiểm tra căn cước của người đại diện bị hại anh Nguyễn Văn Triêu:

- Ngoài tên có tên nào khác không?
- Ông sinh năm bao nhiêu?
- Ông cư trú tại đâu
- Nghề nghiệp?
- Chức vụ?
- Quan hệ với bị cáo?

2. Kiểm tra căn cước của NCQLNVLO Hàng A Súa và Nguyễn Văn Cường:

- Ngoài tên..... ông/bà có tên nào khác không?
- Ông sinh năm bao nhiêu?
- Ông cư trú tại đâu
- Nghề nghiệp?
- ~~Quan hệ với bị cáo ?~~

Thay mặt HĐXX tôi giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị cáo:

Theo quy định tại điều 61 BLTTHS thì bị cáo có quyền và nghĩa vụ sau đây:

* Quyền:

- Được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử?
(Tôi hỏi bị cáo đã được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa?)

- Được tham gia phiên tòa

- Được đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng,

- Được đưa ra tài liệu, đồ vật , yêu cầu

- Quyền được tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa (Tại phiên tòa hôm nay có ông **Lê Văn Hùng** trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu là người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo đã nghe rõ chưa?)

- Được trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa

- Được nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án

- Được kháng cáo bản án và quyết định của Tòa án

Điều 256. BLTTHS

1. Bị cáo đang bị tạm giam khi ra phiên tòa chỉ được tiếp xúc với người bào chữa. Việc tiếp xúc với những người khác phải được phép của chủ tọa phiên tòa.

** Hỏi BC: Bản án thuộc diện được đăng tải tại công thông tin điện tử của Tòa án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có ý kiến gì không?*

** Bên cạnh quyền bị cáo phải có nghĩa vụ:*

- Phải có mặt phiên tòa

- Chấp hành nội quy phiên tòa, tuân thủ sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa và của HĐXX.

- Phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ của những người bị hại:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015 bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền:

a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;

b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

c) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

d) Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật;

đ) Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án;

e) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám

định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

g) Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường;

h) Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa;

i) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;

k) Tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này;

l) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;

m) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;

n) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa.

4. Bị hại có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải;

b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.”

Quyền và nghĩa vụ của NCOLNVLO:

Điều 65 BLTTHS

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ có quyền:

a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;

b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

c) Yêu cầu giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia phiên tòa; phát biểu ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa;

đ) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;

e) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

g) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình;

h) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình;

c) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người làm chứng: Điều 66

3. Người làm chứng có quyền:

- a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;
- b) Yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;
- c) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng;
- d) Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Người làm chứng có nghĩa vụ:

- a) Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải;
- b) Trình bày trung thực những tình tiết mà mình biết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và lý do biết được những tình tiết đó.

5. Người làm chứng khai báo gian dối hoặc từ chối khai báo, trốn tránh việc khai báo mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

6. Cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc hoặc học tập có trách nhiệm tạo điều kiện để họ tham gia tố tụng.

Về giải thích quyền và nghĩa vụ của những ng- ời tham gia tố tụng bị cáo có ý kiến gì không?

Sau đây tôi giới thiệu những ng- ời tiến hành tố tụng ngày hôm nay:

Về phía HĐXX có tôi Là thẩm phán chủ tọa phiên tòa có tôi là ông Nguyễn Văn Bằng — Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn
Các vị HTND Ngồi bên tay phải tôi có ông Nguyễn Hồng Thanh
Ngồi bên tay trái tôi có bà Lò Thị Doanh đều là HTND huyện Nậm Nhùn

Ngồi thực hành quyền công tố tại phiên tòa có ông Tăng Bá Thắng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn.

Làm th- ký ghi biên bản phiên tòa có ông Đồng Văn Dũng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn.

Về thành phần những ng- ời tiến hành tố tụng nh- tôi vừa giới thiệu bị cáo, có đề nghị thay đổi ai không? Nếu xét thấy những ng- ời tiến hành tố tụng không vô t- khách quan trong vụ án?

Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, các vị Hội thẩm, Người bào chữa có ý kiến gì không?

Không ai có ý kiến gì về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa tôi tuyên bố kết thúc phần thủ tục chuyển sang phần xét hỏi. Tr-ớc khi tiến hành xét hỏi, Đề nghị đại diện viện kiểm sát công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung, nếu có.

Hỏi bị cáo:

1. Chủ tọa hỏi:

H: Các bị cáo đã nghe rõ nội dung bản cáo trạng mà viện kiểm sát vừa công bố chưa?

H, Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy” có đúng với bản cáo trạng mà các bị cáo nhận được không?

Hỏi bị cáo Vàng Thị Quê:

H. Bị cáo trình bày lại sự việc làm cháy rừng ngày 18/4/2019?

H. Khi đi đốt nương của gia đình bị cáo, bị cáo có làm đường băng cản lửa trước khi đốt nương không?

H. Lý do bị cáo và Sung chỉ làm 1 phần đường băng cản lửa của đám nương đó?

H. Trước khi đi đốt nương bị cáo có thông báo với xã Nậm Mạnh không?

H. Trước khi đốt nương bị cáo và Sung có mang dụng cụ dập lửa đề phòng cháy lan vào rừng không?

H. trước khi đốt nương bị cáo có đi nhờ ai giúp canh lửa cháy đề phòng lan vào rừng không?

H. Ai là người trực tiếp cầm lửa đốt nương đó?

H. Khi đốt đám nương đó thời tiết khi đó như thế nào? Có nắng , gió không?

H. Khi đốt cháy xong đám nương đó bị cáo có cùng mọi người kiểm tra lại tàn lửa xung quanh đám nương đó không?

H. Sau khi đốt xong ai là người về sau cùng?

H. Đến thời gian nào các bị cáo phát hiện thấy lửa cháy từ đám nương của nhà bị cáo vào rừng?

H. Thời tiết lúc đó như thế nào?

H. Khi phát hiện lửa cháy lan vào rừng bị cáo có gọi mọi người cùng đến dập lửa ngăn chặn lửa cháy rừng không?

H. Bị cáo có có được nghe chính quyền địa phương hay cơ quan chức năng tuyên truyền về việc phòng cháy, chữa cháy chưa?

H. Bị cáo nhận thức như thế nào khi đốt nương làm cháy lan vào rừng?

H. Bị cáo có biết số tiền bị thiệt hại do bị cáo và Sung gây ra là bao nhiêu không?

H. Bị cáo và bị cáo Sung đã khắc phục hậu quả hay bồi thường phần nào

số tiền cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn chưa?

H. Số tiền đó là tiền khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ cho cả hai bị cáo có đúng không?

H. Như vậy là mỗi bị cáo 500.000 đồng để bồi thường một phần khắc phục hậu quả việc các bị cáo đã gây thiệt hại đúng không?

H. Gia đình bị cáo có thuộc hộ nghèo của xã Nậm Mạnh không?

H. Các bị cáo có công việc thu nhập ổn định không?

H. Gia đình và bản thân bị cáo có ai có công với cách mạng không?

H. Bị cáo có suy nghĩ như thế nào về hành vi phạm tội của bị cáo không?

H. Đại diện bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn trong quá trình điều tra và tại phiên tòa yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ số tiền là 554.282.000 đồng. Cụ thể bị cáo Quê phải bồi thường 300.000.000 triệu, bị cáo Sung phải bồi thường 254.282.000 đồng các bị cáo có nhất trí không?

Hỏi bị cáo Vàng Văn Sung:

H. Bị cáo thấy bị cáo Vàng Thị Quê khai sự việc làm cháy rừng ngày 18/4/2019 có đúng không?

H. Bị cáo và Quê phát đám nương đó từ thời gian nào?

H. Bị cáo có làm đường băng cản lửa trước khi đốt nương không?

H. Lý do bị cáo và Sung chỉ làm 1 phần đường băng cản lửa của đám nương đó?

H. Trước khi đi đốt nương bị cáo hay Quê có thông báo với chính quyền xã Nậm Mạnh không?

H. Trước khi đốt nương bị cáo và Quê có chuẩn bị dụng cụ để dập lửa đề phòng cháy lan vào rừng không?

H. Trước khi đốt nương bị cáo có đi nhờ ai giúp canh lửa cháy đề phòng lan vào rừng không?

H. Ai là người trực tiếp cầm lửa đốt nương đó?

H. Khi đốt đám nương đó thời tiết khi đó như thế nào? Có nắng , gió không?

H. Khi đốt cháy xong đám nương đó bị cáo có cùng mọi người kiểm tra lại tàn lửa xung quanh đám nương đó không?

H. Khi đốt xong ai là người về sau cùng? **(Quê)**

H. Sau khi Quê về bị cáo có thấy ai ở trên đám nương vừa đốt không?

H. Đến thời gian nào các bị cáo phát hiện thấy lửa cháy từ đám nương của nhà bị cáo vào rừng?

H. Thời tiết lúc đó như thế nào?

H. Khi phát hiện lửa cháy lan vào rừng các bị cáo có gọi mọi người cùng đến dập lửa ngăn chặn lửa cháy rừng không?

H. Bị cáo có có được nghe chính quyền địa phương hay cơ quan chức năng tuyên truyền về việc phòng cháy, chữa cháy chưa?

H. Bị cáo nhận thức như thế nào khi đốt nương làm cháy lan vào rừng?

H. Bị cáo có biết số tiền bị thiệt hại do bị cáo và Quê gây ra là bao nhiêu không?

H. Bị cáo và bị cáo Quê đã khắc phục hậu quả hay bồi thường phần nào số tiền gây thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn chưa?

H. Số tiền đó là tiền khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ cho cả hai bị cáo là bao nhiêu?

H. Như vậy là mỗi bị cáo 500.000 đồng để bồi thường một phần khắc phục hậu quả việc các bị cáo đã gây thiệt hại đúng không?

H. Ai là người đi nộp số tiền bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho BQL rừng phòng hộ?

H. Gia đình bị cáo có thuộc hộ nghèo của xã Nậm Mạnh không?

H. Các bị cáo có công việc thu nhập ổn định không?

H. Gia đình và bản thân bị cáo có ai có công với cách mạng không?

H. Bị cáo có suy nghĩ như thế nào về hành vi phạm tội của bị cáo không?

H. Đại diện bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn trong quá trình điều tra và tại phiên tòa yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ số tiền là 554.282.000 đồng. Cụ thể bị cáo Quê phải bồi thường 300.000.000 triệu, bị cáo Sung phải bồi thường 254.282.000 đồng các bị cáo có nhất trí không?

Hỏi đại diện bị hại: ông Nguyễn Văn Triệu:

H. Đến thời gian nào anh phát hiện khu rừng mà bị cáo Quê và Sùng gây ra cháy?

H. Tổng thiệt hại các nhóm gỗ 5,6,7,8 và củi khu rừng bị cháy do Quê và Sung gây ra cụ thể là bao nhiêu tiền?

H. Đại diện bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ Nậm Nhùn anh có yêu cầu các bị cáo Vàng Thị Quê và Vàng Văn Sung có trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại cho BQL rừng phòng hộ như thế nào?

H. Cụ thể anh yêu cầu các bị cáo bồi thường như thế nào?

H. Về trách nhiệm hình sự anh có yêu cầu hay đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo không ?

H. Ngoài ra anh có yêu cầu gì khác không ?

1. Đề nghị HTND tham gia xét hỏi:

2. Đề nghị đại diện VKS tham gia xét hỏi đối với các bị cáo?

4. Đề nghị người bào chữa tham gia xét hỏi đối với các bị cáo?

Bị cáo có đề nghị HĐXX hỏi thêm vấn đề gì liên quan đến vụ án không?

Không ai còn xét hỏi thêm bị cáo, tôi tuyên bố kết thúc phần xét hỏi và chuyển sang phần tranh luận.

H. Đề nghị đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo.

H: VKS đề nghị áp dụng ~~điểm~~ c khoản 2 điều 313; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 17 và Điều 58, và Điều 54 của BLHS đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo **Vàng Thị Quê và Vàng Văn Sung** từ đến tháng từ

Đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo. Các Bị cáo có ý kiến gì tranh luận với đại diện VKS không?

H: Đề nghị người bào chữa có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát?

H. Bị cáo có ý kiến gì bổ sung với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo không?

*** Đối đáp của VKS**

*** Đối đáp LS bào chữa cho bị cáo:**

Không ai còn ý kiến tranh luận, tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận. chuyển sang phần nghị án.

Tr-ớc khi HĐXX vào nghị án bị cáo đ-ợc nói lời sau cùng.....Lời đề nghị của các bị cáo sẽ đ-ợc HĐXX xem xét khi nghị án. HĐXX vào nghị án. Giao bị cáo cho các đồng chí cảnh sát hỗ trợ t- pháp.

Sau khi nghị án HĐXX đã ra đ-ợc bản án, thay mặt HĐXX tôi tuyên án. Yêu cầu tất cả mọi ng-ời đứng dậy.

Tôi đã tuyên đọc xong bản án, tôi giải thích bản án. bị cáo nếu không nhất trí với mức hình phạt mà Tòa án vừa tuyên thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay.

Tôi tuyên bố kết thúc phiên toà. Giao bị cáo cho các đồng chí cảnh sát.

